TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC X- VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/DSST
Ngày: 20-8-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X- VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Tuấn T1**;

Ông **Lê Văn B.**

- Thư ký phiên tòa*:* Ông **Đặng Văn T2**- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực X- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực X- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2025/TLST-DS, ngày 13-6-2025; về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-DS, ngày 07-8-2025;

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Ngọc H, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long, Có mặt;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long, Có mặt.

***Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn T3 gồm*:**

1. Chị Trần Hoàng Q, sinh năm 1993; Địa chỉ liên hệ: Khóm Y, xã T, tỉnh Vĩnh Long, Có mặt;

2. Chị Trần Thị Ngọc M, sinh năm 2003; Địa chỉ liên hệ: Khóm Y, xã T, tỉnh Vĩnh Long, Vắng mặt;

3. Anh Lâm Nhật L, sinh năm 2003; Địa chỉ liên hệ: Khóm Y, xã T, tỉnh Vĩnh Long, Vắng mặt;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp K, xã T, tỉnh Vĩnh Long, Có mặt;

2. Chị Hồ Thị C, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long, Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc H trình bày:

Ngày 01/4/2025, bà có thỏa thuận bán lúa tươi cho anh Nguyễn Văn T3, ngụ tại ấp B, xã H1, huyện T, tỉnh Trà Vinh tổng cộng là 23 công đất, với giá 6.200 đồng/kg lúa, bà với anh T3 thỏa thuận miệng, không có làm hợp đồng mua bán (do bà với anh T3 cũng quen và hai bên đã mua bán lúa từ năm 2023 đến nay), thỏa thuận xong anh T3 có đặt cọc trước cho bà bằng 2.000.000 đồng, không có làm giấy tờ, sau đó anh T3 có trả tiền cắt lúa trước cho chủ máy cắt để chuẩn bị cắt lúa cho bà với số tiền bằng 20.000.000 đồng, tổng cộng bà nhận trước của anh T3 bằng 22.000.000 đồng, không có làm giấy tờ.

Đến ngày hẹn cắt lúa, vợ anh T3 là chị Hồ Thị C đến ruộng và chị C là người trực tiếp đứng ra cân lúa với bà, tổng cộng được 180 bao lúa, với tổng số ký là 9.619,6kg, thành tiền bằng 60.542.000 đồng, sau khi cân lúa xong hai bên có đối chiếu mã cân, còn anh T3 là người vận chuyển lúa từ ruộng ra lộ, hai bên cũng có thỏa thuận sau khi cân lúa xong đến buổi chiều bà sẽ được nhận tiền đủ, tổng cộng tiền lúa bà đã bán cho vợ chồng anh T3 bằng 60.542.000 đồng, trước khi cắt lúa anh T3 có trả trước cho bà số tiền bằng 22.000.000 đồng bà đồng ý cấn trừ lại, cho nên vợ chồng anh T3 còn nợ lại bà tiền mua lúa bằng 38.542.000 đồng, không có làm giấy tờ.

Bà không có có thỏa thuận bán lúa cho ông Nguyễn Thanh Đ, trước đây bà có mua phân bón của ông Đ nhiều lần còn nợ lại tổng cộng bằng 59.626.000 đồng, số tiền này ông Đ đã khởi kiện bà ra Tòa án đã được công nhận bằng quyết định của Tòa án rồi, lúc ông Đ khởi kiện hai bên không có nhắc đến số tiền mua bán lúa này, cho nên tiền bán lúa bà yêu cầu vợ chồng anh T3 trả không liên quan đến ông Đ.

Nay bà yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn T3 và chị Hồ Thị C có trách nhiệm trả cho bà tiền mua lúa còn nợ bằng 38.542.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, bà không có yêu cầu ông Đ trả.

***Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Văn T3 trình bày*:**

Anh T3 là người làm thuê cho ông Nguyễn Thanh Đ, ngụ tại ấp K xã H1, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Tháng 4 năm 2025 (anh không nhớ ngày), ông Đ có kêu anh T3 đi thu mua lúa của các hộ dân trong vùng, giá thu mua mỗi ký bằng 6.150 đồng/kg, anh T3 chỉ hưởng tiền huê hồng là 40.000 đồng/tấn với ông Đ. Trong những hộ dân thu mua lúa có ruộng của bà Lâm Thị Ngọc H, ông Đ là người trực tiếp đi coi lúa trước, đồng ý thu mua ruộng nào thì ông Đ đưa tiền cho anh T3 đến để đặt cọc. Đối với ruộng của bà H qua thỏa thuận anh T3 có đặt cọc trước giùm cho ông Đ số tiền bằng 2.000.000 đồng và có hẹn ngày lại cắt với bà H, đặt cọc không có làm giấy tờ.

Đến ngày cắt lúa, do bà H còn nợ tiền của chủ máy cắt Lúa nên ông Thạch V, ngụ tại ấp A, xã Hiếu Trung, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh không đồng ý cắt lúa ruộng của bà H, lúc này anh T3 với ông Ven và bà H có nói thỏa thuận, anh T3 đưa trước cho ông Vên bằng 20.000.000 đồng để ông Vên cắt lúa ruộng của bà H (nếu không cắt lúa được thì sẽ bị mất tiền đặt cọc trước), cho nên tổng cộng số tiền anh T3 đặt cọc và đưa trước cho bà H bằng 22.000.000 đồng, không có làm giấy tờ, tiền này cũng là của ông Đ đưa cho anh T3.

Lúc cắt lúa vợ anh T3 là chị Hồ Thị C là người trực tiếp đứng ra cân lúa và đối chiếu mã cân với bà Lâm Thị Ngọc H, lúc cân lúa chị C cũng có nói với bà H, vụ lúa này vợ chồng anh chị cân lúa cho ông Đ, chị C cũng có nói buổi chiều bà H đến nhà ông Đ tính toán tiền với ông Đ, bà H không có ý kiến.

Khi cân lúa xong chị C và bà H có đối chiếu lại mã bao với nhau nhưng chưa tính toán ra tổng số ký cũng như số tiền lúa, vợ chồng anh T3 đã giao sổ có ghi mã cân, số lúa cho ông Đ để ông Đ tính với bà H.

Khoảng 01 tuần sau khi cân lúa xong, bà H có đến nhà anh T3 đòi tiền mua lúa, anh T3 có nói với bà H đến nhà ông Đ để tính toán tiền lúa nhưng bà H không đồng ý rồi bà H khởi kiện anh T3 đến nay.

Nay vợ chồng anh T3 với ông Đ thống nhất số tiền lúa đã mua của bà H tổng cộng bằng 60.542.000 đồng, anh T3 đã trả trước cho bà H số tiền bằng 22.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền bằng 38.542.000 đồng. Số tiền này là của ông Nguyễn Thanh Đ còn nợ lại bà H, chứ vợ chồng anh T3 không có nợ, yêu cầu ông Đ trả cho bà H, vợ chồng anh T3 chỉ là người làm công cho ông Đ, đi mua lúc cho ông Đ để hưởng huê hồng, không có nghĩa vụ trả tiền mua lúa cho bà H. Cho nên yêu cầu khởi kiện của bà H, vợ chồng anh T3 không đồng ý trả.

Ý kiến của ông Nguyễn Thanh Đ trình bày: Anh T3 là người làm công cho ông, tới vụ lúa ông có nhờ anh T3 liên hệ các hộ dân làm ruộng để hỏi mua lúa giùm cho ông. Anh T3 là người thỏa thuận với bà H mua lúa ruộng của bà H, tổng cộng số tiền bằng 60.542.000 đồng, ông có đưa cho anh T3 bằng 22.000.000 đồng để đưa trước cho bà H, không có làm giấy tờ, số tiền bà H khởi kiện vợ chồng anh T3 là của ông nợ bà H, chứ không phải vợ chồng anh T3 nợ, ông đồng ý trả cho bà H tiền mua lúa còn nợ bằng 38.542.000 đồng, yêu cầu không tính lãi. Việc thỏa thuận mua lúa chỉ có anh T3 là người trực tiếp thỏa thuận với bà H, ông không có thỏa thuận, sau khi cân lúa của bà H xong, anh T3 chở về kho cho ông và đưa giấy tờ đã ghi lúc cân lúa cho ông giữ.

Trước đây bà H có mua bán phân bón của ông nhiều lần còn nợ lại số tiền bằng 59.626.000 đồng, ông đã khởi kiện bà H ra Tòa án và được công nhận bằng quyết định của Tòa án buộc bà H trả cho ông số tiền bằng 59.626.000 đồng, do tiền mua bán lúa và tiền mua phân bón khác nhau, cho nên ông khởi kiện ông với bà H không có cấn trừ lại. Nay ông đồng ý trả tiền mua lúa còn nợ cho bà H bằng 38.542.000 đồng, không liên uan đến vợ chồng anh T3.

***Ý kiến của chị Hồ Thị C trình bày ý kiến*:** Chị là vợ anh T3, vợ chồng chị là người làm thuê cho ông Đ, tới vụ lúa ông Đ kêu anh T3 liên hệ các hộ dân để

thỏa thuận thu mua lúa cho ông Đ, anh T3 có thỏa thuận mua lúa ruộng của bà H, lúc cân lúa chị cũng có nói với bà H vụ này chị cân lúa giùm cho ông Đ, chị còn nói cân lúa xong bà H lại nhà ông Đ tính toán tiền lúa với ông Đ, anh T3 đưa trước cho bà H bằng 22.000.000 đồng tiền này cũng của ông Đ đưa cho anh T3 để anh T3, không có làm giấy tờ. Tiền lúa còn nợ lại bà H bằng 38.542.000 đồng là của ông Đ nợ bà H, vợ chồng chị không có nợ nên không đồng ý trả theo yêu cầu của bà H, để cho ông Đ trả cho bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án: 01 giấy tập ghi số cân lúa (bản photo); CCCC (photo); Bị đơn không có cung cấp chứng cứ, ông Nguyễn Thanh Đ 01 giấy tập ghi số cân lúa (bản photo);

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Bà Lâm Thị Ngọc H với anh Nguyễn Văn T3, chị Hồ Thị C và ông Nguyễn Thanh Đ thống nhất tiền mua lúa còn nợ bà H bằng 38.542.000 đồng.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Bà Lâm Thị Ngọc H yêu cầu anh T3 và chị Hồ Thị C có trách nhiệm trả cho bà H tiền mua lúa còn nợ bằng 38.542.000 đồng;

Anh Nguyễn Văn T3 và chị Hồ Thị C không đồng ý trả cho bà H bằng 38.542.000 đồng, số tiền này là của ông Đ nợ yêu cầu ông Đ trả;

Ông Nguyễn Thanh Đ đồng ý trả tiền mua lúa cho bà H bằng 38.542.000 đồng; Bà H không có yêu cầu ông Nguyễn Thanh Đ trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn cư trú tại ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực X, tỉnh Vĩnh Long; Bị đơn không có yêu cầu phản tố; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập;

Tại đơn khởi kiện bà Lâm Thị Ngọc H khởi kiện anh Nguyễn Văn T3 trả tiền mua lúa còn nợ bằng 38.542.000 đồng, quá trình giải quyết bà H yêu cầu chị Hồ Thị C vợ anh T3 cùng có trách nhiệm với anh T3 trả tiền mua lúa còn nợ cho bà H.

[2] V*ề nội dung*: Bà Lâm Thị Ngọc H khởi kiện cho rằng ngày 01/4/2025 bà H có bán lúa tươi cho anh Nguyễn Văn T3 và chị Hồ Thị C tổng cộng bằng 60.542.000 đồng, anh T3 có trả trước số tiền bằng 22.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền bằng 38.542.000 đồng; Quá trình giải quyết anh Nguyễn Văn T3 và chị Hồ Thị C cũng như ông Nguyễn Thanh Đ có lời khai thừa nhận số tiền mua lúa của bà H tổng cộng bằng 60.542.000 đồng, anh T3 có trả trước số tiền bằng 22.000.000 đồng, còn nợ lại bà H bằng 38.542.000 đồng, đây là tình tiết các

đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà H khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn T3 và chị Hồ Thị C có nghĩa vụ trả cho bà H tiền mua lúa còn nợ bằng 38.542.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi;

Quá trình giải quyết anh T3 và chị Hồ Thị C thừa nhận số tiền mua lúa còn nợ bà H bằng 38.542.000 đồng, nhưng anh T3 và chị C cho rằng số tiền này là của ông Nguyễn Thanh Đ nợ bà H không liên quan đến anh, chị. Anh, chị chỉ là người làm công cho ông Đ tới vụ lúa ông Đ kêu vợ chồng anh, chị đi thỏa thuận mua lúa của các hộ dân trong đó có hộ của bà H cho ông Đ để anh, chị hưởng tiền huê hồng 40.000 đồng/tấn, sau khi cân lúa ruộng xong vợ chồng anh, chị chở về kho của ông Đ, tiền đặt cọc 22.000.000 đồng cũng là của ông Đ đưa cho anh T3 đặt cọc, số sách ghi số lúa cân tại ruộng của bà H vợ chồng anh, chị cũng giao cho ông Đ để tính toán tiền lúa với bà H, anh, chị cũng có kêu bà H lại nhà ông Đ tính tiền mua lúa, khi bà H khởi kiện anh, chị xem lại sổ sách đã ghi cho ông Đ thể hiện số tiền lúa còn nợ bà H bằng 38.542.000 đồng;

Ông Nguyễn Thanh Đ cũng thừa nhận trong năm 2025 ông muốn thu mua lúa của các hộ dân, ông có thuê vợ chồng anh T3 làm công và được ông nhờ đi thỏa thuận mua lúa ruộng của bà H, tiền anh T3 đặt cọc trước cho bà H cũng của ông đưa cho anh T3, cho nên số tiền bà H khởi kiện vợ chồng anh T3 là của ông nợ, ông đồng ý trả cho bà H.

[4] Xét thấy, việc thỏa thuận mua bán lúa giữa bà H với vợ chồng anh T3 là do hai bên tự nguyện thỏa thuận, bà H với ông Đ không có thỏa thuận việc mua lúa nêu trên, nội dung thỏa thuận mua bán lúa, nhận tiền đặt cọc của bà H với vợ chồng anh T3 không có liên quan đến ông Nguyễn Thanh Đ, nghĩa vụ của bà H với vợ chồng anh T3 không liên quan đến ông Đ, cho nên ý kiến trình bày và yêu cầu của vợ chồng anh T3 và ông Đ không có căn cứ, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa vợ chồng anh T3 và ông Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là đúng và ý kiến trình bày này cũng không được bên nguyên đơn thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận. Do bà Lâm Thị Ngọc H không có yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Từ những nhận định nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc anh Nguyễn Văn T3 và chị Hồ Thị C phải chịu theo quy định; Bà Lâm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Thanh Đ không phải chịu án phí;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 91, 92, 147, 273 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, 430, 440 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Ngọc H.

2. Buộc anh Nguyễn Văn T3 và chị Hồ Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị Ngọc H tiền mua lúa còn nợ bằng 38.542.000 đồng; Bà Lâm Thị Ngọc H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn T3 và chị Hồ Thị C phải chịu 1.927.100 đồng án phí.

Bà Lâm Thị Ngọc H không phải chịu án phí. Do bà Lâm Thị Ngọc H là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội được miễn nộp tạm ứng án phí, nên không xử lý.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có măt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV X -Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV X-Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm